

Trong nền kinh tế kế hoạch tập trung trước đây, không có sự cạnh tranh nên những rủi ro trong kinh doanh không được đề cập đến. Do vậy, nhiều yếu tố then chốt trong hoạt động quản lý ngân hàng, bao gồm hầu hết những yếu tố của quá trình quản lý rủi ro, không được chú ý thích đáng, các hoạt động của mỗi chi nhánh ngân hàng được thực hiện theo những chỉ thị nghiệp vụ chính xác nhằm bảo đảm sự hoạt động thống nhất và nhất quán từ trên xuống tận cơ sở. Ngoài ra, hệ thống ngân hàng trong nền kinh tế kế hoạch đặt ra những khái niệm, những nguyên tắc chuẩn mực còn ít ỏi, hay khác đi nhiều so với hệ thống ngân hàng các nước trên thế giới nên có sự cách biệt quá xa với thế giới.

Trong nền kinh tế thị trường, rủi ro được xem như một yếu tố không thể tách rời với quá trình hoạt động của các doanh nghiệp, doanh nhân trên thị trường. Người ta khẳng định rằng, hơn mọi doanh nghiệp khác, ngân hàng

phải đối phó với các loại rủi ro từ mọi nguồn gốc.

1. Rủi ro tín dụng

Đó là rủi ro gắn liền với hoạt động chính của ngân hàng. Cho vay bao giờ cũng bao gồm rủi ro và xảy ra mất mát. Rủi ro tín dụng là rủi ro không thu được nợ khi đến hạn. Việc đánh giá rủi ro này là trách nhiệm chính của nghề ngân hàng. Các ngân hàng luôn luôn tìm cực đại lợi nhuận qua việc tìm kiếm những lợi tức cao nhất có thể có ở các món cho vay và chứng khoán, đồng thời cố gắng giảm thiểu rủi ro liên quan đến các hoạt động cho vay, như: sàng lọc và giám sát khách hàng vay, thiết lập mối quan hệ khách hàng lâu dài, qui định các mức tín dụng, vật thế chấp, số dư bù và hạn chế tín dụng. Dầu sao không một ngân hàng nào nghĩ được hết mọi sự bất ngờ khi nó viết ra những qui định hạn chế vào một hợp đồng cho vay; sẽ luôn luôn có những hoạt động rủi ro của người vay tiềm, chưa có một qui định hạn chế nào loại bỏ được chúng cả. Thật ra, các giới hạn do luật tín dụng thành

văn bản và các qui định hành chính đều không đem lại câu trả lời cho nhiều câu hỏi liên quan đến việc cho vay an toàn, lành mạnh và có lợi của ngân hàng. Các câu hỏi liên quan đến qui mô của khoản mục cho vay, các kỳ hạn thích hợp và các hình thức cho vay chưa có lời giải. Câu hỏi này và nhiều câu hỏi khác được chính mỗi ngân hàng trả lời. Vì thế, mỗi ngân hàng cần phải có chính sách cho vay rõ ràng để xác định phương hướng sử dụng vốn, giảm bớt các rủi ro và duy trì các hoạt động như dự định. Chính sách cho vay của một ngân hàng nên kết hợp sự bảo đảm có thể chấp nhận được và khả năng thanh toán nợ.

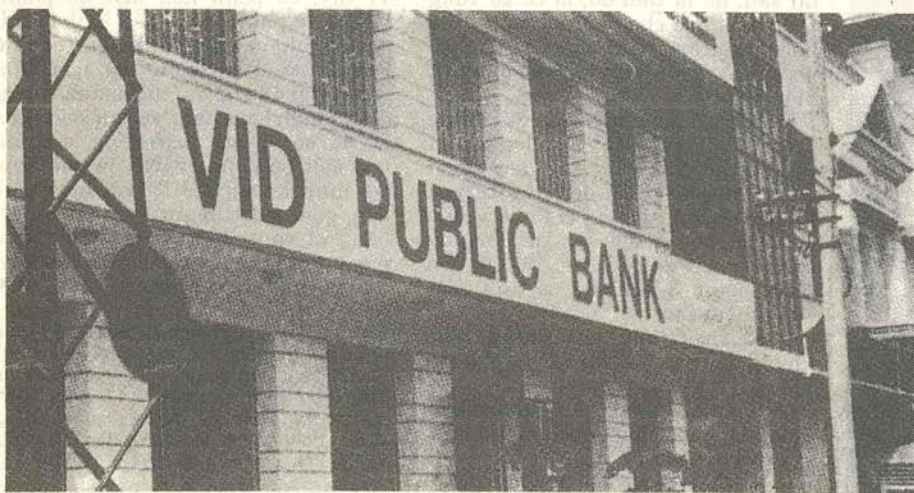
Ngoài việc có được chính sách cho vay thích hợp, mỗi ngân hàng cần phải thành lập và duy trì quỹ "dự trữ cho các khoản tổn thất". Các ngân hàng được phép lập dự trữ cho các khoản tín dụng tổn thất từ tiền lời trước khi tính thuế đến khi các khoản dự trữ này lên tới mức tối đa 2,4% dư nợ tín dụng hợp lý. Vì khoản dự trữ này góp phần bảo vệ người ký thác, nên đã hình thành vốn tự có và được xem là một nguồn vốn quan trọng của ngân hàng.

2. Rủi ro thiếu vốn khả dụng

Để thu được lợi nhuận cực đại, các ngân hàng tích cực thực hiện chức năng chuyển hóa các phương tiện tiền tệ. Quá trình chuyển hóa các phương tiện tiền tệ (hay còn gọi là quá trình chuyển đổi tài sản) này thường là quá trình kinh doanh theo kiểu "vay ngắn hạn và cho vay dài hạn" của các ngân hàng. Chẳng hạn, ngân hàng giữ những tài sản nợ loại ngắn hạn như những món tiền gửi có thể phát séc và sử dụng tiền thu được để mua những tài sản có loại dài hạn, như những món cho vay với các loại lãi suất cao hơn. Quá trình chuyển đổi tài sản này đem lại lợi nhuận cực đại cho ngân hàng, đồng thời cũng có thể mang lại rủi ro thiếu vốn khả dụng. Rủi do nảy xuất phát từ chức năng chuyển hóa các

RỦI RO NGÂN HÀNG

LÊ NAM HÀI



kỳ hạn sử dụng vốn và nguồn vốn của ngân hàng. Thông thường các kỳ hạn sử dụng vốn dài hơn kỳ hạn các nguồn vốn, nên ngân hàng có thể vấp phải hai tình huống khó khăn: không thể đáp ứng các cam kết ngắn hạn của mình, có nguồn vốn kỳ hạn ngắn ngày càng ngắn lại trong khi sử dụng vốn vẫn theo kỳ hạn không đổi.

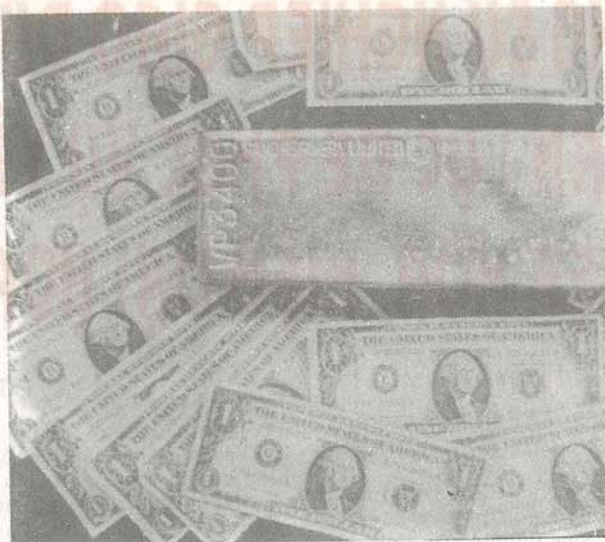
Trong những trường hợp như vậy, ngân hàng không có khả năng đáp ứng việc rút vốn ồ ạt và ngoài dự kiến của khách hàng hay của các tổ chức tín dụng khác. Người ta gọi đây là rủi ro thiếu vốn khả dụng. Để giám sát mức độ rủi ro này, ngân hàng phải lập hệ số vốn khả dụng và hệ số chuyển hoá vốn.

3. Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là những rủi ro mà các chủ thể kinh tế gặp phải khi có biến động về lãi suất. Tất cả các khoản cho vay và nợ dù với lãi suất cố định hay lãi suất biến động đều có thể gặp rủi ro. Nếu như toàn bộ các chủ thể kinh tế đều có nguy cơ gặp rủi ro, thì tất nhiên các tổ chức tín dụng là những đơn vị dễ gặp rủi ro nhất do cơ cấu bảng cân đối tài sản của các tổ chức này. Rủi ro lãi suất là rủi ro mà ngân hàng phải chịu khi có các khoản cho vay hoặc nợ theo lãi suất cố định, do diễn biến lãi suất về sau gây ra. Rủi ro này ảnh hưởng đến kết quả lãi của ngân hàng. Một ngân hàng có thể đề phòng bằng cách đánh giá rủi ro lãi suất qua từng nghiệp vụ một và thực hiện các nghiệp vụ bảo chứng.

4. Rủi ro hối đoái

Các rủi ro trong việc giao dịch ngoại hối xuất phát từ tỷ giá hối đoái của các loại tiền tệ khác nhau do tác động của kinh tế và chính trị của một đất nước; việc duy trì năm giữ một ngoại tệ của một quốc gia nào đó (bao gồm năm giữ trái quyền và nợ bằng ngoại tệ) là mạo hiểm, vì nó khiến ngân hàng phải gánh chịu một rủi ro hối đoái phát sinh từ biến động tỷ giá ngoại tệ thể hiện các



khoản cho vay và nợ so với đồng nội tệ. Một ngân hàng giao dịch ngoại hối phải giới hạn việc tham gia vào các loại tiền tệ khác nhau và thực hiện một khối lượng kinh doanh vừa đủ để các thiệt hại có thể được bù đắp bằng các lợi tức. Hơn nữa, ngân hàng phải cảnh giác không chỉ với những thay đổi tỷ giá hối đoái, mà cả với các nguyên nhân của những thay đổi ấy để có thể áp dụng các biện pháp giảm bớt rủi ro.

5. Rủi ro trong tín dụng quốc tế

Về nhiều phương diện, việc cho vay nước ngoài cũng tương tự như việc cho vay trong nước. Ngoài những yếu tố cơ bản trong tín dụng nói chung, còn ba yếu tố khác một vai trò quan trọng trong việc cung ứng tín dụng cho người nước ngoài: tiền tệ, quốc gia và các rủi ro pháp lý. Rủi ro tiền tệ liên quan đến khả năng chuyển đổi và tính ổn định của đơn vị tiền tệ quốc gia của người vay. Rủi ro đất nước hay thường được gọi là rủi ro chính trị xảy ra từ phát triển kinh tế và chính trị ảnh hưởng đến khả năng và sự sẵn lòng đáp ứng các cam kết như đã thỏa thuận của người vay. Những rủi ro về pháp lý ở nước ngoài là việc một quốc gia sẽ áp đặt hay thay đổi mạnh các yêu cầu dự trữ, tỷ lệ vốn trên tích sản, thuế đặc biệt và nhiều quy định

khác cản trở các hoạt động ngân hàng. Cho vay nước ngoài có rủi ro hơn là cho vay trong nước do phải dự đoán tương lai của ba yếu tố vừa kể. Tình huống ở tương lai là điều chưa được biết trong một đẳng thức cho vay. Tương lai có thể mang đến các khó khăn bất ngờ, dẫn đến lợi tức có thể giảm đến mức mà các khoản chi trả theo thời biểu là không thực hiện được. Tuy nhiên, có một số áp lực giúp cho tín dụng quốc tế, như: đạo lý, áp lực ngoại giao và nếu một quốc gia không thực hiện các cam kết tín dụng quốc tế, sẽ gặp khó khăn trong việc tìm kiếm tín dụng sau này, không chỉ từ các chủ nợ hiện tại, mà còn từ những người cho vay của các nước khác.

6. Rủi ro mất khả năng thanh toán

Rủi ro mất khả năng thanh toán là rủi ro riêng có của ngân hàng và liên quan đến sự sống còn của doanh nghiệp ngân hàng. Nó được trình bày cuối cùng, vì nó thường là hậu quả của một hay nhiều rủi ro nói trên xảy ra mà ngân hàng không lường trước được.

Mặc dầu khó nhận ra một cách chính xác các nguyên nhân của những vụ phá sản ngân hàng, lịch sử của những vụ phá sản rõ ràng cho thấy các điều kiện mất khả năng thanh toán

của ngân hàng cũng là một nguyên nhân góp phần rất quan trọng. Từ đó, các ngân hàng quan tâm đến vai trò của vốn tự có trong việc ngăn ngừa những vụ phá sản. Việc phân tích rủi ro này chủ yếu là nghiên cứu vốn tự có của ngân hàng, yếu tố để hứng chịu mọi khoản tổn thất như trong bất cứ doanh nghiệp nào.

Khả năng thanh toán của ngân hàng không phải là một đại lượng thống kê: nó không được đánh giá trực tiếp. Vì thế, không thể định lượng một cách thích hợp nào đó của thanh khoản bằng cách so sánh số thanh khoản đang nắm giữ với các nhu cầu về thanh khoản cần đến vì cách làm đó không xét đến khía cạnh là thanh khoản có thể nhận được từ các thị trường tín dụng, thị trường tiền tệ. Mỗi ngân hàng đều có một khả năng thanh toán càng nhiều hơn, nếu nó càng có nhiều tiền trung ương hơn (số dư cao trong tài khoản vàng tại ngân hàng trung ương) hay là tài sản có của chúng đều dễ dàng chuyển sang tiền trung ương, cùng với khả năng tăng vốn nhanh từ các nguồn khác nhau khiến nó có khả năng đáp ứng các nghĩa vụ là chi trả và các ràng buộc tài chính.

Rất khó lòng xác định một tiêu chuẩn nào đó về thanh khoản, bởi vì không thể tính được các nhu cầu trong tương lai. Tuy nhiên, sự đánh giá về thanh khoản được sự đồng tình nhiều nhất xuất phát từ quan niệm cho rằng, mức độ thanh khoản mà một ngân hàng riêng biệt nào đó cần đến tùy thuộc vào lượng biến đổi xảy ra ở số dư tiền gửi và nhu cầu tín dụng trong một khoảng thời gian xác định.

Nghiên cứu các loại rủi ro ngân hàng sẽ giúp soạn thảo những biện pháp nhằm hạ thấp rủi ro. Một hệ thống ngân hàng hoạt động tốt có thể làm giảm bớt tới mức tối thiểu tất cả những khả năng rủi ro, ngoại trừ những "rủi ro vì tai họa" (như động đất...), những đợt suy thoái lớn về kinh tế trên thế giới v.v. ■